

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 01/7/2020

V/v “Tranh chấp H đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Miên và ông Lê Đình Hưng

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/7/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 26/12/2019 về “Tranh chấp H đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại Cổ phần CViệt Nam (Viết tắt là Ngân hàng TMCP CViệt Nam hoặc là Ngân hàng), địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: ông Hoàng Văn A, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP CViệt Nam, Chi nhánh Gia Lai (có mặt);

- *Bị đơn:* ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M, cùng địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP CViệt Nam (Đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Văn A) trình bày:

Căn cứ H đồng cho vay 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 10/10/2018 giữa Ngân hàng TMCP CViệt Nam - Chi nhánh Gia Lai - Phòng giao dịch Đ và ông Nguyễn Văn H, bà Mai Thị M thì: Ngày 10/10/2018, ông Ngô Văn H, bà Mai Thị M vay của Ngân hàng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; ngày nhận nợ: ngày 10/10/2018; ngày trả nợ: 10/10/2019; lãi suất cho vay: 10,3%/năm; Lãi suất cho vay có thể thay đổi từng thời điểm theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là 150% lãi

suất trong hạn. ngày trả lãi: hàng tháng, trả vào ngày 10 hàng tháng; Mục đích vay: chăm sóc vườn cà phê, tiêu.

Mặc dù H đồng cho vay chỉ đứng tên một mình ông Ngô Văn H nhưng thực tế, cả ông H cùng vợ là bà Mai Thị M cùng ký Giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án/dự án vay và trả nợ.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông H, bà M ký kết H đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018, đã được công chứng và đăng ký theo quy định của pháp luật. Theo đó, ông H, bà M thế chấp quyền sử dụng 02 thửa đất số 14, 18; tờ bản đồ số 102 tại xã Ia Kriêng, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản trên đất số CN 877527 do Sở tài nguyên và Môi trường cấp cho ông H, bà M ngày 20/9/2018).

Đến hạn trả nợ, ông H, bà M chỉ trả được 5.000.000 đồng nợ gốc trả lãi đến tháng 7/2019. Ngân hàng nhiều lần thông báo trả nợ nhưng ông H, bà M không trả nợ. Ngân hàng yêu cầu ông H, bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc 195.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận H đồng tính đến ngày 01/7/2020 là 29.044.642 đồng.
- Tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/7/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Nếu ông H, bà M không tự nguyện trả nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo H đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018 để thu hồi nợ.

* Tại đơn trình bày ngày 03/01/2020, bị đơn bà Mai Thị M trình bày:

Bà và ông Ngô Văn H trước đây là vợ chồng, đã ly hôn. Bà công nhận ngày 10/10/2018, bà và ông H vay của Ngân hàng TMCP CViệt Nam 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Nội dung vay như đại diện Ngân hàng đã trình bày. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, bà và ông H ký kết với Ngân hàng H đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018, theo đó, vợ chồng bà thế chấp quyền sử dụng 02 thửa đất số 14, 18; tờ bản đồ số 102 tại xã Ia Kriêng, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này.

Theo bà, khi bà và ông H ly hôn, bà đã thỏa thuận để cho ông H là người đứng tên trả nợ Ngân hàng, tài sản thế chấp đã giao cho ông H quản lý và sử dụng, không còn liên quan đến bà nữa. Vì vậy, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của ông H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông H và bà M trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần CViệt Nam 195.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận tính đến ngày 01/7/2020 là 29.044.642 đồng.

Buộc ông H, bà M chịu toàn bộ án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP CViệt Nam khởi kiện ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M để thu hồi nợ. Xét thấy, Ngân hàng TMCP CViệt Nam là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Ông Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Mai Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ H đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, các chứng từ trả nợ, chứng từ thông báo thu hồi nợ và các chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, có căn cứ để nhận định: Ngày 10/10/2018, ông H và bà M ký kết với Ngân hàng TMCP CViệt Nam H đồng tín dụng số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 vay Ngân hàng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng; ngày nhận nợ: ngày 10/10/2018; ngày trả nợ: 10/10/2019; lãi suất cho vay: 10,3%/năm; lãi suất cho vay có thể thay đổi từng thời điểm theo thỏa thuận; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; ngày trả lãi: hàng tháng, trả vào ngày 10 hàng tháng; Mục đích vay: chăm sóc vườn cà phê, tiêu. Ông H và bà M thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 14, 18; tờ bản đồ số 102 tại xã Ia Kriêng, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này theo H đồng thế chấp số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018. Ông H và bà M đã trả được 5.000.000 đồng nợ gốc và tiền nợ lãi đến ngày 10/7/2019.

Ngân hàng yêu cầu ông H, bà M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng các khoản sau:

- 195.000.000 đồng nợ gốc;
- Nợ lãi trong hạn, quá hạn theo thỏa thuận tính đến ngày 01/7/2020 là 29.044.642 đồng.
- Tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tính từ ngày 02/7/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Cần áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP CViệt Nam – Chi nhánh Gia Lai số tiền nợ tính đến ngày 01/7/2020 là 224.044.642 đồng và tiền lãi phát sinh theo H đồng tính từ ngày 02/7/2020 cho đến khi trả nợ xong.

[4] Trường H ông H và bà M không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất số 14, 18 tờ bản đồ số 102 tại xã Ia Kriêng, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất này theo H đồng thế chấp số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018 để thu hồi nợ.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, Ngân hàng đã nộp đủ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên Ngân hàng không phải chịu. Ông H, bà M có nghĩa vụ chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Về án phí: Buộc ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 157, 158, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần CViệt Nam.

1. Buộc ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP CViệt Nam (thông qua Ngân hàng TMCP CViệt Nam- Chi nhánh Gia Lai- Phòng giao dịch Đ) các khoản:

- Nợ gốc: 195.000.000 đồng;

- Nợ lãi theo thỏa thuận tính đến ngày 01/7/2020 là 29.044.642 đồng.

Tổng cộng là: 224.044.642 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

2. Trường H ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M không tự nguyện thi hành án thì Ngân hàng TMCP CViệt Nam có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất số 14, 18 tờ bản đồ số 102 tại xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai cùng toàn bộ tài sản trên các thửa đất này theo H đồng thế chấp số 1190/2018-HĐCV/NHCT500 ngày 09/10/2018 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông H, bà M có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP CViệt Nam 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

4. Về án phí: Buộc ông Ngô Văn H và bà Mai Thị M chịu 11.202.232 đồng (Mười một triệu hai trăm lẻ hai nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP CViệt Nam không phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.090.000 đồng (Năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002456 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

5. Các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù H với quy định của pháp luật; Nếu không có thỏa thuận thì

mức lãi suất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường H Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng